TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 515/2021/HS-ST
Ngày: 14/12/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Kim Mỹ

2. Ông Phạm Văn Phước

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hiền Lương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Lê Thanh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 471/2021/TLST/HSST ngày 10 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 621/2021/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2021, đối với bị cáo:

Phạm Văn N (tên gọi khác: không), sinh năm 1956, Tại: Cần Thơ; Thường trú: phường X, quận N, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Phạm Văn S (chết); Mẹ: Ngô Thị T (chết); Có vợ và 02 con sinh năm 1977, 1978; Tiền án: Ngày 28/02/2003 bị Tòa án nhân dân thị xã Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương xử phạt 48 tháng tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" và tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo bản án số 18/HSST ngày 28/02/2003; Chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/02/2005; Xác minh việc chấp hành án Dân sự tại Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, kết quả: Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một chưa thụ lý thi hành án đối với Bản án nêu trên. Tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 12/02/1996 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 20 tháng tù về tội "Làm tiền giả" theo bản án số 257/HSST ngày 12/02/1996. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/02/1996. Chấp hành xong án phí Dân sự ngày 12/02/1996. Bị bắt, tạm giam từ ngày 03/12/2020.

Bị cáo Phạm Văn N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6 năm 2005, N hành nghề chạy xe ôm và quen biết 01 người đàn ông tên "Ba" (không rõ lai lịch), N liên hệ với ông "Ba" qua số điện thoại di động 0918454299, quá trình quen biết thấy N không có giấy phép lái xe nên ông "Ba" đã làm cho N 01 giấy phép lái xe mô tô giả để N sử dụng khi bị Cảnh sát giao thông thổi phạt. Quen biết N được một thời gian thì ông "Ba" giao cho N 01 điện thoại di động hiệu Panasonic và thuê N giao các giấy tờ giả cho ông "Ba" với cách thức thực hiện như sau: Khi có người thuê làm giấy tờ giả, ông "Ba" sẽ trực tiếp liên lạc với người muốn làm giấy giả sau đó điện thoại cho N đi nhận thông tin của người làm giấy giả, nhiệm vụ của N là đi đến những địa điểm như khu vực chợ đầu mối nông sản Thủ Đức, cầu Ông Dầu hoặc khu vực Sài Gòn Water Park để lấy chứng minh nhân dân (bản photo) và hình thẻ của người muốn làm bằng lái xe giả sau đó đem về cho ông "Ba", ông "Ba" sẽ trả tiền công cho N 50.000 đồng / 01 lần. Sau khi có ảnh thẻ và chứng minh nhân dân thì ông "Ba" sẽ đem đi chỗ khác làm giấy tờ giả. Ông "Ba" trực tiếp lấy tiền trước của người làm giấy tờ giả sau đó khi làm xong giấy giả sẽ giao lại cho N để N đi giao lại cho khách, mỗi lần N giao xong giấy giả cho khách thì ông "Ba" trả tiền công cho N 50.000 đồng – 100.000 đồng, nếu ông "Ba" chưa lấy tiền trước của khách thì ông "Ba" sẽ trực tiếp đi giao và nhận tiền của khách. Quá trình làm giấy giả, khi có giấy tờ giả bị sai thông tin thì ông "Ba" đem giấy tờ sai đến phòng trọ của N và giao cho N sửa lại với tiền công 50.000 đồng/01 giấy giả. Sau khi nhận giấy giả bị sai thông tin, N sử dụng dao lam để cạo chỗ sai và sử dụng bút đen ghi lại thông tin cho đúng sau đó giao lại cho khách. N đã giao nhận bằng giả cho ông "Ba" được khoảng 7-8 lần, thu lợi khoảng 1.000.000 đồng. Ngày 20/3/2006, tại nhà trọ của N, địa chỉ nhà số 35B/5, đường Ngô Chí Quốc, khu phố 2, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh, do Nguyễn Quang Vinh (người ở trọ cùng N) phạm tội trong 01 vụ án khác nên bị Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Bình Thạnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Quang Vinh. Quá trình khám xét, do có mặt N tại phòng trọ nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Bình Thạnh đã kiểm tra hành chính thì phát hiện trong người của N có 04 giấy phép lái xe giả, tiếp tục khám xét phát hiện thêm 01 số giấy phép giả khác đã bị bóc gỡ không còn nguyên vẹn cùng một số dụng cụ làm giấy giả tại phòng trọ nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Bình Thạnh đã tiến hành đưa N cùng vật chứng về trụ sở xử lý sau đó chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức) xử lý đối với N.

Bản kết luận giám định số 655 ngày 02/02/2021 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

+ 01 bằng thuyền trưởng phương tiện thủy nội địa tên Lê Văn Úc

+ 01 giấy phép lái xe tên Lê Trung Kiều

+ 01 giấy phép lái xe tên Võ Tấn Lực

+01 giấy phép lái xe tên Lê Thế Trung

+01 giấy phép lái xe tên Lê Phước Sang

+ 01 giấy phép lái xe tên Nguyễn Văn Đức số L417682

+ 01 giấy phép lái xe tên Nguyễn Văn Đức Số L427154

+ 01 giấy phép lái xe tên Lê Phú Hà

+ 01 mặt trước giấy phép lái xe tên Lê Phú Hà

Các tài liệu cần giám định được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

Bản kết luận giám định số 184 ngày 05/5/2006 của Tổ chức giám định Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

1. Hình dấu tròn cần giám định có nội dung: "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - SỞ GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH" đóng trên 04 giấy phép lái xe:

- 01 giấy phép lái xe tên Phạm Văn N (ký hiệu Al),

- 01 giấy phép lái xe tên Trần Hữu Thoại (ký hiệu A2),

- 01 giấy phép lái xe tên Nguyễn Thị Thanh Hương (ký hiệu A3),

- 01 giấy phép lái xe tên Trần Trọng Anh (ký hiệu A4)

với hình dấu tròn có cùng nội dung làm mẫu so sánh là không được đóng ra cùng 01 con dấu.

2. Hình dấu tròn cần giám định có nội dung: "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - SỞ GIAO THÔNG CÔNG CHÍNH" đóng trên 02 giấy phép lái xe: 01 giấy phép lái xe tên Trịnh Ngọc Hiệp (ký hiệu A5), 01 giấy phép lái xe tên Nguyễn Thành Danh (ký hiệu A6) với hình dấu tròn có cùng nội dung làm mẫu so sánh là không được đóng ra cùng 01 con dấu.

3. Chữ ký cần giám định đứng tên Trần Minh Dũng trên tài liệu ký hiệu A2, A4, A5, A6 với chữ ký mẫu Trần Minh Dũng - Phó giám đốc Sở giao thông công chính Thành phố Hồ Chí Minh là không do cùng một người ký ra

4. Chữ ký cần giám định đứng tên Dương Tự Lực trên tài liệu ký hiệu Al với chữ ký mẫu Dương Tự Lực - Phó giám đốc Sở giao thông công chính Thành phố Hồ Chí Minh là không do cùng một người ký ra.

5. Chữ ký cần giám định đứng tên Đỗ Tiến Lực trên tài liệu ký hiệu A3 với chữ ký mẫu Đỗ Tiến Lực - Phó giám đốc Sở giao thông công chính Thành phố Hồ Chí Minh là không do cùng một người ký ra.

Bản kết luận giám định số 4965 ngày 16/9/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận đối với bằng tốt nghiệp phổ thông cơ sở số 116 đề cấp cho thí sinh Lê Thị Thu đề ngày 09/9/1976: Không đủ cơ sở kết luận giám định "bằng tốt nghiệp phổ thông cơ sở" cần giám định là thật hay giả do không có mẫu so sánh.

Quá trình điều tra, Phạm Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Ngày 29/5/2006, Cơ quan Cảnh sát Điều tra quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức) ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Phạm Văn N về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" nhưng do Phạm Văn N đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú nên ngày 28/8/2006, Cơ quan Cảnh sát Điều tra ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị can, Quyết định truy nã đối với Phạm Văn N.

Ngày 03/12/2020, Công an thành phố Cần Thơ đã bắt được Phạm Văn N theo Quyết định truy nã nên đã chuyển N đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức xử lý theo thẩm quyền. Ngày 10/12/2020, Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã ra Quyết định phục hồi điều tra vụ án, phục hồi điều tra bị can và lệnh tạm giam đối với Phạm Văn N.

Tại bản Cáo trạng số 363/CT-VKSTPTĐ ngày 03/11/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đã truy tố bị cáo Phạm Văn N về tội: "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Phạm Văn N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt có xác nhận của Cơ quan quản lý tạm giữ tạm giam – Công an thành phố Thủ Đức. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có ý kiến: xét đơn xin vắng mặt của bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c, d Khoản 2 Điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phạm Văn N về tội: "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Phạm Văn N từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù, vật chứng xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ thu thập được, có đủ căn cứ kết luận hành vi phạm tội cụ thể của bị cáo như sau:

Khoảng tháng 6/2005, tại địa bàn quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh, do bản thân cần bằng lái xe giả để đi đường, Phạm Văn N đã sử dụng 01 bằng lái xe môtô giả nhằm mục đích gian dối với lực lượng Cảnh sát giao thông khi N vi phạm giao thông. Ngoài ra N còn trực tiếp đi nhận, giao và sửa chữa các loại giấy phép lái xe môtô, giấy phép lái tàu giả cho 01 người đàn ông tên "Ba" nhằm hưởng 1.000.000 đồng để tiêu xài. Ngày 20/3/2006, tại nhà trọ của N, địa chỉ nhà số 35B/5, đường Ngô Chí Quốc, khu phố 2, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh, Cơ quan Công an đã kiểm tra hành chính thì phát hiện trong người của N có 04 giấy phép lái xe giả, tiếp tục khám xét phát hiện thêm 01 số giấy phép giả khác đã bị bóc gỡ không còn nguyên vẹn cùng một số dụng cụ làm giấy giả tại phòng trọ. Kết quả giám định 15 giấy phép lái xe, giấy phép lái tàu thủy là giả, N khai nhận số giấy tờ giả này là do N nhận từ đối tượng tên "Ba" để sửa chữa, làm giả cho khách.

Hành vi của bị cáo Phạm Văn N đã cấu thành tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" quy định tại Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999. Căn cứ Nghị quyết

số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, cần áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xét xử bị cáo. Tuy nhiên, khi lượng hình cần căn cứ theo mức hình phạt tại Khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999.

[3] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 20 tháng tù về tội "Làm tiền giả" theo bản án số 257/HSST ngày 12/02/1996. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/02/1996. Chấp hành xong án phí Dân sự ngày 12/02/1996. Tội "Làm tiền giả" theo Bộ luật Hình sự năm 1985 thuộc nhóm tội "Xâm phạm an ninh quốc gia". Tuy nhiên, theo Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì Tội "Làm tiền giả" thuộc chương XVIII "Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế" nên không thuộc trường hợp xóa án tích theo Quyết định của Tòa án.

Bị cáo đã bị xử phạt 48 tháng tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" và tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo bản án số 18/HSST ngày 28/02/2003; Chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/02/2005, đến tháng 3/2006 tiếp tục phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[4] Về xử lý vật chứng:

+ 01 điện thoại di động hiệu Panasonic màu đỏ, trắng là phương tiện để bị cáo liên lạc giao nhận tài liệu, giấy tờ giả, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

+ 01 xe môtô, biển số: 63S8-5827, số máy: YDTZS150FMG000955, số khung: YDTLCG022DT000955. Qua xác minh xe môtô biển số: 63S8-5827 do chị Nguyễn Thị Kim Cương (Sinh năm: 1983, hộ khẩu thường trú: Hòa Mỹ, Bình Ninh, CG TG) đứng tên chủ sở hữu, năm 2006 chị Kim Cương bán xe môtô trên cho 01 người (không rõ lai lịch) nhưng không làm thủ tục sang tên, Phạm Văn N khai nhận đã mua chiếc xe trên của 01 người (không rõ lai lịch) vào năm 2006 nhưng không làm thủ tục sang tên, sau khi mua xe N sử dụng chiếc xe trên để hành nghề chạy xe ôm và đi giao giấy tờ giả cho ông "Ba", quá trình sử dụng, N đã làm mất giấy tờ xe môtô trên. Đây là phương tiện phạm tội, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

+ 01 bằng thuyền trưởng phương tiện thủy nội địa tên Lê Văn Úc, 01 giấy phép lái xe tên Lê Trung Kiều, 01 giấy phép lái xe tên Võ Tấn Lực, 01 giấy phép lái xe tên

Lê Thế Trung, 01 giấy phép lái xe tên Lê Phước Sang, 01 giấy phép lái xe tên Nguyễn Văn Đức số L417682, 01 giấy phép lái xe tên Nguyễn Văn Đức Số L427154, 01 giấy phép lái xe tên Lê Phú Hà, 01 mặt trước giấy phép lái xe tên Lê Phú Hà, 01 giấy phép lái xe tên Phạm Văn N, 01 giấy phép lái xe tên Trần Hữu Thoại, 01 giấy phép lái xe tên Nguyễn Thị Thanh Hương, 01 giấy phép lái xe tên Trần Trọng Anh, 01 giấy phép lái xe tên Nguyễn Thành Danh, 01 giấy phép lái xe tên Trịnh Ngọc Hiệp, 01 bằng trung học cơ sở tên Lê Thị Thu là vật chứng vụ án kèm theo hồ sơ vụ án, tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

+ Số tiền 3.322.000 đồng xét liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra còn thu giữ một số vật chứng liên quan đến đối tượng tên "Ba", Cơ quan Điều tra đã tách đối tượng tên "Ba" và số vật chứng liên quan theo Quyết định tách vụ án hình sự số 06 ngày 26/02/2021 để xử lý cùng, khi nào điều tra được sẽ xử lý sau, nên không thuộc phạm vi xử lý của vụ án này.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Văn N phạm tội: "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức".

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; Điều 7; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn N: 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/12/2020.

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và căn cứ vào Điều 106 Bộ luật tố tụng hình năm 2015:

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Panasonic, trắng; 01 xe môtô, biển số: 63S8-5827; SM: YDTZS150FMG000955; SK: YDTLCG022DT000955; Số tiền 3.322.000 (Ba triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn) đồng.

+ Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án: 01 bằng thuyền trưởng phương tiện thủy nội địa tên Lê Văn Úc, 01 giấy phép lái xe tên Lê Trung Kiều, 01 giấy phép lái xe tên Võ Tấn Lực, 01 giấy phép lái xe tên Lê Thế Trung, 01 giấy phép lái xe tên Lê Phước Sang, 01 giấy phép lái xe tên Nguyễn Văn Đức số L417682, 01 giấy phép lái xe tên Nguyễn Văn Đức Số L.427154, 01 giấy phép lái xe tên Lê Phú Hà, 01 mặt trước giấy phép lái xe tên Lê Phú Hà, 01 giấy phép lái xe tên Phạm Văn N, 01 giấy phép lái xe tên Trần Hữu Thoại, 01 giấy phép lái xe tên Nguyễn Thị Thanh Hương, 01 giấy phép

lái xe tên Trần Trọng Anh, 01 giấy phép lái xe tên Nguyễn Thành Danh, 01 giấy phép lái xe tên Trịnh Ngọc Hiệp, 01 bằng trung học cơ sở tên Lê Thị Thu.

(Theo Phiếu nhập kho số 31 ngày 10/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Tiền tại Giấy nộp tiền vào tài khoản số 39490303059900000 mở tại Kho bạc Nhà nước Thủ Đức của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức ngày 13/8/2021 tại Ngân hàng BIDV).

- Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Phạm Văn N phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Bị cáo vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND, CA, Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Cơ quan THA hình sự;
- VKSND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp.HCM;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thanh Lâm